

XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LÊ THỊ HỒNG NHIÊN - TRẦN THIÊN KHIÊM*

Ngày nhận: 15/12/2020

Ngày phản biện: 25/1/2021

Ngày duyệt đăng: 05/3/2021

Tóm tắt: Cùng với quá trình đổi mới đất nước, cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam cũng có những biến đổi hết sức mạnh mẽ theo hướng: vai trò, vị trí của các giai cấp và tầng lớp ngày càng được khẳng định rõ hơn trong cơ cấu xã hội; chuyển từ cơ cấu xã hội - giai cấp thuần túy “hai giai một tầng” sang cơ cấu xã hội - giai cấp với nhiều tầng lớp, giai cấp khác nhau và nội bộ cơ cấu của các giai cấp, tầng lớp cũng có sự biến đổi rất mạnh mẽ. Sự biến đổi này, một mặt tác động tích cực đến công cuộc đổi mới đất nước, nhưng mặt khác nó cũng đặt ra nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội cần phải được giải quyết. Do đó, việc nhận thức cũng như nắm rõ sự biến đổi cơ cấu xã hội ở Việt Nam nói chung và sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp nói riêng là một vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

Từ khoá: Cơ cấu; xã hội; Việt Nam; biến đổi.

SOCIAL STRUCTURE CHANGE TRENDS – LEVELS IN VIETNAMESE PERIOD FOR INNOVATION

Abstract: Along with the process of national renewal, the social-class structure in Vietnam has also had very powerful changes in the direction of: the role and position of classes and classes were increasingly confirmed. in the social structure; shifting from the social structure - the pure “two-stage one-stage” class to the social-class structure with many different classes and classes, and the internal structure of classes and classes also changes. Very strong exchange. This change, on the one hand, has a positive impact on the country’s renovation, but on the other hand, it also raises many socio-economic issues that need to be addressed. Therefore, the awareness as well as understanding the social structural change in Vietnam in general and the social-class structure change in particular is a very important issue, especially in the time. modernization period of the country today.

Keywords: Structure; society; Vietnam; change.

1. Vai trò, vị trí của các giai cấp và tầng lớp ngày càng được khẳng định rõ hơn trong cơ cấu xã hội và trong quá trình phát triển đất nước

Có thể nói, trong thời gian qua, cơ cấu và vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp ở nước ta ngày càng có nhiều thay đổi cũng như ngày càng được khẳng định rõ hơn. Về điều này, tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã chỉ rõ: “Cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội”¹. Đặc biệt, cùng với sự hình thành và phát triển của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần trong quá trình đổi mới đất nước cơ cấu xã hội với nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau cũng dần xuất hiện, cụ thể ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ tri thức còn có tầng lớp doanh nhân, tầng lớp người sản xuất hàng hóa nhỏ, tiểu

thương tiểu chủ... Các giai cấp, tầng lớp với tư cách vừa là sản phẩm vừa là chủ thể của công cuộc đổi mới đất nước đều là những bộ phận quan trọng của nhân dân Việt Nam; trong đó công nhân, nông dân và trí thức giữ một vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng trong cơ cấu xã hội nói chung và cơ cấu xã hội - giai cấp nói riêng. Cụ thể, trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Đảng ta nhấn mạnh: “Chú trọng xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới”².

* Trường chính trị Phạm Hùng, tỉnh Vĩnh Long.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.85.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.37-38.

Phải thấy rằng ở nước ta, vị trí của các giai cấp, tầng lớp còn được thể hiện ở vai trò của các giai tầng này đối với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Chẳng hạn, khẳng định vai trò của giai cấp công nhân, tại Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá X (2008), Đảng ta xác định giai cấp công nhân Việt Nam là: “giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”³. Về giai cấp nông dân, Đảng ta chỉ rõ: “Nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước”⁴. Về đội ngũ trí thức, Đảng ta cũng đã nhấn mạnh: “Đội ngũ trí thức nước ta có tinh thần yêu nước, có lòng tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc, luôn gắn bó với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”⁵. Đối với đội ngũ doanh nhân, ngày 09 tháng 12 năm 2011 Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW Về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tại Nghị quyết, Đảng ta chỉ rõ: “Đội ngũ doanh nhân là lực lượng có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao, sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế”. Qua đây có thể khẳng định rằng, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước các giai cấp, tầng lớp đều có vai trò, vai trò đặc biệt quan trọng đã và đang có nhiều đóng góp tích cực và đáng kể cho sự thành công của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

2. Chuyển từ cơ cấu xã hội - giai cấp thuần tuý “hai giai một tầng” sang cơ cấu xã hội - giai cấp với nhiều tầng lớp và giai cấp khác nhau

Ph.Ăngghen đã từng cho rằng: “Trong mọi thời

đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, cả hai cái đó cấu thành cơ sở lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy”⁶. Như vậy, việc chuyển từ cơ cấu xã hội - giai cấp thuần tuý “hai giai một tầng” (công nhân, nông dân, trí thức) ở giai đoạn bao cấp sang cơ cấu xã hội - giai cấp với nhiều giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ đổi mới đó là: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ các nhà doanh nghiệp, những tiểu thương, tiểu chủ,... Cho thấy đây không chỉ là biến đổi bao trùm nhất của cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta trong công cuộc đổi mới đất nước mà còn phản ánh quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Hiện nay, dưới tác động của kinh tế thị trường, của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của kinh tế tri thức, của hội nhập quốc tế... và những thay đổi trong cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới dẫn đến những biến đổi lớn trong cơ cấu xã hội - giai cấp và bản thân mỗi giai cấp theo hướng năng động hơn, sáng tạo và chủ động hơn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, trong điều kiện mới, đội ngũ doanh nhân ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Và tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội hiện nay đều là chủ thể xây dựng đất nước, trong đó giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo khối liên minh và toàn xã hội cùng chung sức xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

3. Nội bộ cơ cấu của các giai cấp và tầng lớp cũng có sự biến đổi rất mạnh mẽ

Một là, đối với giai cấp công nhân

Xu hướng tăng lên về số lượng cùng với sự phát triển của các ngành nghề công nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.43-44.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khoá X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.124.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khoá X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.82.

⁶ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.215.

Trước những năm đổi mới, số lượng công nhân nước ta là 7 triệu, đến năm 2007 là 9,5 triệu, năm 2013 tăng lên gần 11 triệu và hiện nay khoảng 16,5 triệu người⁷. Nhìn chung, sự gia tăng về số lượng của giai cấp công nhân ở nước ta trong những năm qua chủ yếu là nhờ vào sự phát triển các ngành công nghiệp của các thành phần kinh tế; đặc biệt là kinh tế ngoài nhà nước, đây là khu vực có số lượng công nhân tăng lên nhanh chóng, còn ở khu vực kinh tế nhà nước, số lượng công nhân tăng không đáng kể.

Xu hướng đa dạng hoá sự phát triển của giai cấp công nhân trong các thành phần kinh tế

Có thể nói, trong những năm qua cùng với chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và quá trình mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế đã làm cho giai cấp công nhân nước ta không những phát triển cả về số lượng và chất lượng mà còn ngày càng phát triển đa dạng hơn. Cụ thể, hiện nay giai cấp công nhân Việt Nam đang có mặt trong tất cả các thành phần kinh tế; trong số khoảng 16,5 triệu công nhân có 62% công nhân lao động thuộc doanh nghiệp tư nhân trong nước, 30% trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và chỉ 8% thuộc doanh nghiệp nhà nước⁸. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng, các bộ phận công nhân hoạt động ở các thành phần kinh tế khác nhau sẽ khác nhau về tính chất lao động, trình độ sản xuất công nghiệp và về thu nhập. Trên thực tế, tình trạng phân hoá giàu nghèo, phân tầng xã hội trong nội bộ giai cấp công nhân ở nước ta cũng đã và đang diễn ra rất sâu sắc. Ở một mức độ nhất định, điều này sẽ dẫn đến sự khác biệt về ý thức làm chủ, trình độ và tác phong công nghiệp, tinh thần giác ngộ và đoàn kết giai cấp,... và đây chính là những yếu tố làm tăng thêm quá trình phức tạp và đa dạng hoá trong giai cấp công nhân ở nước ta.

Xu hướng ngày càng nâng cao về trình độ, ý thức lao động và tác phong công nghiệp của giai cấp công nhân

Nếu như trước những năm 1986, chỉ có 57,5% công nhân có trình độ phổ thông cơ sở và đa số không qua đào tạo nghề thì đến năm 2008 đã có 80% công nhân có trình độ trung học cơ sở và trung học phổ thông; có 37% lao động đã qua đào tạo, trong đó 25% là đào tạo nghề⁹. Năm 2014, có 70,2% công nhân có trình độ trung học phổ thông, 26,8% có trình độ trung học cơ sở và 3,1% có trình độ tiểu học. Công nhân có trình độ trung cấp chiếm 17,9%, trình độ cao đẳng chiếm 6,6%, trình độ đại học chiếm

17,4%¹⁰. Song, cùng với quá trình hội nhập quốc tế đã tiếp nhận những thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào sản xuất, làm cho nền kinh tế nước ta đang chuyển biến nhanh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Điều đó tạo động lực để giai cấp công nhân nước ta ngày càng phát triển cao về trình độ chuyên môn nghề nghiệp. Kết quả thống kê cho thấy, nếu so với năm 2005, lao động qua đào tạo chỉ chiếm 12,5% tổng số lao động, thì đến năm 2010 tăng lên 14,6% và đến 2016 tăng lên 20,6%. Nếu phân theo ngành nghề, tỷ lệ công nhân được đào tạo chuyên môn trong lĩnh vực khai khoáng tăng từ 33,3% năm 2010 lên 50,4% năm 2016; lĩnh vực công nghiệp chế biến tăng từ 13,4% năm 2010 lên 18,5% năm 2016; lĩnh vực xây dựng tăng từ 12,6% năm 2010 lên 14,0% năm 2016; lĩnh vực dịch vụ vận tải tăng từ 33,6% năm 2010 lên 55,2% năm 2016; lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng từ 79,3% năm 2010 lên 83,1% năm 2016¹¹.

Xu hướng nâng cao về trình độ từ trình độ học vấn đến chuyên môn và trình độ tay nghề của công nhân cho thấy đây chính là xu thế khách quan của quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và quá trình hội nhập quốc tế. Mặt khác, đó cũng là quan hệ tất yếu của việc phát triển những ngành nghề sản xuất mà ở đó đòi hỏi người lao động phải có trình độ và tay nghề cao. Đây chính là động lực quan trọng thúc đẩy người lao động tự nguyện, tự giác không ngừng phấn đấu học tập, nâng cao trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn và tay nghề để có thể đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi mà các ngành nghề sản xuất đặt ra. Và thực tế khi trình độ người lao động nâng lên, theo đó họ sẽ nâng cao ý thức trách nhiệm lao động của mình, họ sẽ có tinh thần và trách nhiệm ngày càng cao trong công việc cũng hình thành và rèn luyện cho mình tác phong công nghiệp.

Xu hướng ngày càng đa dạng về cơ cấu ngành nghề

Cùng với sự phát triển không ngừng của khoa

^{7,8} Phan Linh: "Vị thế của giai cấp công nhân Việt Nam - Một số vấn đề đặt ra về nhận thức trong bối cảnh mới", Tạp chí Mặt trận điện tử, 29/12/2020.

⁹ Tạ Ngọc Tấn: Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.156.

¹⁰ Vũ Quang Thọ: Xây dựng lối sống văn hoá của công nhân Việt Nam - Lý luận và thực tiễn. Nxb Lao động Hà Nội, 2015, tr.61-62.

¹¹ Tổng cục Thống kê: Niên giám thống kê 2016, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2017.

học - công nghệ, sự phát triển của nền kinh tế tri thức và quá trình hợp tác quốc tế đã làm cho xã hội ngày càng xuất hiện nhiều ngành nghề mới, trong đó phải kể đến các ngành kinh tế công nghiệp mũi nhọn như: điện, dầu khí, điện tử, tin học, viễn thông, chế tạo vật liệu mới,... Chính sự xuất hiện của những ngành nghề này đặt ra yêu cầu cần phải có một lực lượng lao động nhất định và đó là giai cấp công nhân.

Bên cạnh đó, trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, nhiều ngành dịch vụ cũng được phát triển đa dạng như: các ngành tài chính, ngân hàng, chuyển giao kỹ thuật, đầu ra cho các sản phẩm,... Đây là những ngành có nhu cầu phát triển lớn và mức thu nhập khá, nên một bộ phận công nhân hoạt động ở khu vực các ngành này sẽ ngày càng tăng.

Hai là, đối với giai cấp nông dân

Xu hướng giảm về số lượng

Cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, những năm qua giai cấp nông dân Việt Nam có xu hướng ngày càng giảm. Nếu năm 2001, cả nước có 24,95 triệu lao động nông nghiệp, năm 2007 giảm 1,14 triệu lao động và còn 23,81 triệu¹². Hiện nay, Việt Nam có khoảng 19,2 triệu người làm nông nghiệp¹³. Đây là xu hướng mới và tích cực về chuyển dịch lao động ở nước ta, phản ánh kết quả thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của Đảng và Nhà nước.

Xu hướng đa dạng hoá cơ cấu ngành theo hướng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá

Cùng với việc chuyển từ nền sản xuất nông nghiệp tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá, theo đó cơ cấu ngành nghề ở nông thôn cũng đã có những thay đổi theo chiều hướng tích cực và trở nên đa dạng hoá. Cụ thể, giảm số lượng và tỷ trọng nhóm hộ nông - lâm - thủy sản; tăng số lượng và tỷ trọng nhóm hộ công nghiệp và dịch vụ. Theo kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2012 của Tổng cục Thống kê, năm 2011, số hộ hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản là 9,53 triệu hộ (chiếm 62,2%), giảm 248 nghìn hộ so với năm 2006 (chiếm 71,1%); số hộ hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ là 5,13 triệu, tăng 1,67 triệu so với năm 2006¹⁴. Đến năm 2016, cả nước có 9,32 triệu hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản¹⁵, giảm 210 nghìn hộ so với năm 2011. Như vậy, tính chung trong giai đoạn 2006 - 2011, số hộ nông, lâm, thủy sản cứ qua 5 năm lại giảm đi khoảng từ 9% đến 10%

và giai đoạn 2011 - 2016 giảm khoảng 8%.

Bên cạnh đó, trong cơ cấu ngành nghề ở nông thôn, cùng với một bộ phận chuyển sang làm nghề thủ công hoặc dịch vụ, cơ khí, chế biến nông sản, cung ứng vật tư nông nghiệp,... đã có một bộ phận không nhỏ chuyển sang kinh doanh trang trại và kinh tế hợp tác với quy mô lớn. Chẳng hạn, theo Tổng cục thống kê niên giám thống kê năm 2008, cả nước có 7.592 hợp tác xã, đến hết năm 2018 cả nước có 13.856 hợp tác xã nông nghiệp¹⁶. Còn về trang trại, nếu năm 2008 cả nước có 120.699 trang trại, hiện nay có gần 150.000 trang trại¹⁷. Kinh tế trang trại và kinh tế hợp tác phát triển đã góp phần tích cực, đáng kể vào trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là đã dẫn tới sự đa dạng hoá cơ cấu ngành nghề trong giai cấp nông dân ở nước ta.

Xu hướng ngày càng nâng cao về trình độ sản xuất và kinh doanh

Trong những năm qua, cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhất là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; người nông dân từ chỗ thụ động, thờ ơ với việc học tập, tiếp thu trình độ kỹ thuật canh tác họ đã trở nên tích cực hơn, chủ động hơn trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Cụ thể, họ biết ứng dụng kỹ thuật canh tác mới, học hỏi những kinh nghiệm sản xuất mới, nghiên cứu thị trường, giá cả,... từ đó làm cho người nông dân ngày càng nâng cao trình độ sản xuất kinh doanh của mình, tăng hiệu quả trên đơn vị sản xuất.

Những ví dụ về mô hình trồng rau công nghệ cao, trồng chè tại Lâm Đồng đã cho thấy hiệu quả rõ rệt khi doanh thu đạt từ 400 - 500 (triệu) đồng/ha, gấp 2 - 3 lần canh tác theo lối truyền thống. Tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Vĩnh Phúc, Hà Nội... đã xây dựng nhiều mô hình sản xuất giống cây, chăn nuôi lợn, gà quy mô công nghiệp theo công nghệ Nhật Bản đã và đang mang lại những hiệu quả to lớn,

¹² Tạ Ngọc Tấn (2013), Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.167.

¹³ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19136>

¹⁴ Tạ Ngọc Tấn (2013), Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.161.

¹⁵ <http://www.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/1073/49038/can-uc-co-932-trieu-ho-la-ho-nong-lam-nghiep-va-thuy-san>

¹⁶ <https://baotainguyenmoitruong.vn/55-trong-so-14-452-hop-tac-xa-nong-nghiep-hoat-dong-hieu-qua-224178.html>

¹⁷ <https://nhandan.com.vn/kinhte/item/38850102-phat-trien-ben-vung-kinh-te-trang-trai.html>

giúp người sản xuất có thu nhập gấp 2 thậm chí là gấp nhiều lần so với sản xuất quảng canh hộ gia đình truyền thống. Thực tế này đã một lần nữa cho thấy ở người nông dân Việt Nam xu hướng ngày càng nâng cao về trình độ trong quá trình sản xuất, và do đó làm cho sự biến đổi cơ cấu giai cấp nông dân cũng diễn ra một cách hết sức mạnh mẽ và sâu sắc.

Ba là, đối với đội ngũ trí thức

Xu hướng đa dạng hoá cơ cấu đội ngũ trí thức

Trong công cuộc đổi mới đất nước, cơ cấu đội ngũ trí thức ở nước ta ngày càng trở nên đa dạng. Bên cạnh ngày càng có nhiều trí thức hoạt động ở các ngành khoa học mũi nhọn như: công nghệ thông tin, công nghệ điện tử, công nghệ gen, công nghệ vật liệu mới,... thì còn có một bộ phận không nhỏ trí thức tham gia trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh,... Mặt khác, tính đa dạng trong cơ cấu đội ngũ trí thức ở nước ta còn được thể hiện ở chỗ một số trí thức hoạt động ở các thành phần kinh tế ngoài khu vực nhà nước đã tăng lên. Đây chính là xu thế tất yếu của việc thực hiện đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khi mà “chất xám” cũng được xem là một thứ hàng hoá.

Xu hướng ngày càng tăng về số lượng và chất lượng

Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá diễn ra trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hoá ở nước ta trong những năm qua đã làm cho đội ngũ trí thức ở Việt Nam có sự phát triển đáng kể cả về lượng cũng như về chất. Đội ngũ trí thức Việt Nam có những đóng góp không nhỏ đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Họ có mặt ở tất cả các lĩnh vực đời sống, kinh tế - xã hội, như chính trị, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn học - nghệ thuật... Đến năm 2017, cả nước có khoảng 6,5 triệu người có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, tăng hơn 3,7 triệu người so với năm 2009¹⁸. Ngoài ra, theo thống kê của ngành Giáo dục và Đào tạo, đến năm 2017 cả nước có 24.500 tiến sĩ, trong đó có hơn 16.500 tiến sĩ đang làm việc trong các trường đại học và cao đẳng; khoảng 1.600 giáo sư và 10.000 phó giáo sư¹⁹. Riêng tính năm 2019, Hội đồng Giáo sư nhà nước đã xét và công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư cho 422 người; trong đó có 73 ứng viên được công nhận đạt chuẩn giáo sư và 349 ứng viên đạt chuẩn phó giáo sư²⁰.

Cùng với sự phát triển về lượng, chất lượng của

đội ngũ trí thức ở Việt Nam cũng từng bước được nâng lên. Điều này được thể hiện rõ nhất ở công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao về trình độ và năng lực công tác của đội ngũ trí thức. Có thể thấy, trong những năm qua, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực công tác cho đội ngũ trí thức rất được Đảng và Nhà nước quan tâm, trong đó phải kể đến một bộ phận rất lớn cán bộ, công chức, viên chức. Cùng với chính sách mở rộng quan hệ và giao lưu quốc tế, đội ngũ trí thức ở Việt Nam không những được tham gia đào tạo, bồi dưỡng những chương trình giáo dục trong nước mà còn có điều kiện tham gia nghiên cứu, học tập, tiếp thu những chương trình giáo dục ở nước ngoài; từ đó đã góp phần tích cực và đáng kể trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ trí thức Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Xu hướng thiếu cân đối lao động trí thức

Thực tế cho thấy rằng xu hướng thiếu cân đối trong đội ngũ trí thức ở nước ta cũng đang là một vấn đề rất đáng quan tâm. Trước hết, phải thấy rằng sự thiếu cân đối này thể hiện trong các lĩnh vực khoa học xã hội, quản lý và tự nhiên, kỹ thuật. Chẳng hạn, trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có đến 70,4% trí thức có trình độ cao đẳng, đại học trở lên; trong khi lĩnh vực kinh doanh, quản lý có khoảng 24,7%; lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật khoảng 25,8%²¹. Như vậy, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất công nghiệp trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ đòi hỏi cần một số lượng lớn đội ngũ trí thức ở các ngành kỹ thuật. Tuy nhiên, đội ngũ trí thức có trình độ chuyên môn về khối các ngành khoa học kỹ thuật là rất ít. Tình trạng hàng trăm nghìn cử nhân thất nghiệp hiện nay không chỉ đơn thuần phản ánh về bài toán “cung - cầu” lao động, bài học “thừa thầy thiếu thợ” mà còn cho thấy sự mất cân đối về lao động trí thức trong các ngành, lĩnh vực khoa học.

Tình trạng mất cân đối trong đội ngũ trí thức còn thể hiện ở việc phân bổ chưa đồng đều giữa các khu

¹⁸ http://tcnn.vn/news/detail/40865/Xay_dung_va_phat_trien_doi_ngu_tri_thuc_Muoi_nam_nhin_lai.html

¹⁹ <https://laodong.vn/giao-duc/ca-nuoc-co-1600-giao-su-nhung-chi-co-hon-200-nguoi-con-dang-nghien-cuu-606745.laod>

²⁰ <https://vnexpress.net/giao-duc/422-nguoi-duoc-cong-nhan-giao-su-pho-giao-su-4021583.html>

²¹ Tạ Ngọc Tấn (2013), Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.174.

vực. Nhìn chung, tuyệt đại đa số đội ngũ trí thức đang tập trung tại các đô thị lớn, nơi công nghiệp và các hoạt động dịch vụ sản xuất phát triển mạnh như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương,... Khu vực nông thôn, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa đang rất khó khăn trong việc thu hút đội ngũ trí thức.

4. Kiến nghị

Một là, các cơ quan ở cấp trung ương cần tiếp tục rà soát và điều chỉnh các chính sách kinh tế - xã hội cho phù hợp như: chính sách xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giáo dục và đào tạo nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, phòng chống tệ nạn xã hội...

Hai là, Đảng và Nhà nước cần đẩy mạnh hoạt động tôn vinh các nhà khoa học có nhiều phát minh, sáng kiến, các nhà lãnh đạo - quản lý, các doanh nhân, tạo môi trường thuận lợi để họ phát triển và tiếp tục phát huy hơn nữa những sáng tạo, đóng góp sức mình cho xã hội; đồng thời có chính sách, chế độ đãi ngộ, thù lao thỏa đáng cho họ, đặc biệt đối với những trí thức, viên chức hành chính, sự nghiệp (những người làm việc ở những khu vực phi lợi nhuận).

Ba là, Nhà nước cần có cơ chế thích hợp nhằm phát hiện và sớm có chính sách thu hút, đào tạo, sử dụng, sắp xếp những cá nhân ưu tú, năng động, có trình độ năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực sản xuất kinh doanh vào những vị trí thích hợp để họ có thể phát huy tốt nhất tiềm năng, trí tuệ của họ vào tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là cần đầu tư, khuyến khích những chủ tập đoàn doanh nghiệp lớn đang có uy tín trên thương trường, tiếp tục mở rộng đầu tư, phát triển, tạo những hành lang an toàn và những điều kiện tốt nhất để họ có thể tiếp tục phát triển vươn lên trở thành những tập đoàn sản xuất xứng tầm quốc tế, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Bốn là, các cấp ủy Đảng cần tăng cường sự lãnh đạo và thực hiện rà soát lại công tác tổ chức cán bộ, chấn chỉnh bộ máy; xây dựng đồng bộ các giải pháp, bao gồm cả việc cải cách thể chế, nâng cao năng lực điều hành và sự phối hợp hoạt động giữa các bộ, cơ quan chức năng, các ngành, các cấp. Cần phải đưa ra được những tiêu chuẩn (kể cả định tính và định lượng) về những phẩm chất và yêu cầu cần thiết của từng loại, từng cấp cán bộ; xây dựng những nguyên tắc khoa học để tạo nguồn cán bộ, sắp xếp, luân chuyển cán bộ, có chế độ khen thưởng đối với những người làm tốt, có thành tích và xử phạt nghiêm

minh đối với những người sai phạm, làm việc kém hiệu quả.

Năm là, cộng đồng xã hội cần tích cực đẩy mạnh công tác thông tin, giáo dục, truyền thông, nhân rộng những điển hình tiên tiến trong thực hiện xóa đói, giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, trong sản xuất, kinh doanh nhằm tạo dư luận xã hội ủng hộ tích cực các cá nhân vượt trội, các nhóm xã hội ưu trội trong cơ cấu giai cấp - xã hội, đồng thời phê phán, đấu tranh không khoan nhượng với các phần tử tiêu cực.

Tóm lại, sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, xã hội Việt Nam vốn có nhiều biến đổi rõ rệt trong cơ cấu xã hội - giai cấp, bao gồm biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp từ "hai giai một tầng" sang cơ cấu xã hội - giai cấp với nhiều tầng lớp, giai cấp khác nhau và biến đổi trong nội bộ cơ cấu của các giai cấp và tầng lớp. Sự biến đổi đó về cơ bản có tác động theo cả hai chiều hướng vừa tích cực và vừa tiêu cực đến bộ mặt của nền kinh tế, xã hội. Do đó, việc nhận thức một cách đầy đủ cũng như nắm rõ xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta là một vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng xét trên phương diện lý luận kể cả thực tiễn, nhất là trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.124.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
5. Phan Linh, "Vị thế của giai cấp công nhân Việt Nam - Một số vấn đề đặt ra về nhận thức trong bối cảnh mới", Tạp chí Mặt trận điện tử, 29/12/2020.
6. Tạ Ngọc Tấn (2013), Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.156.
7. Vũ Quang Thọ (2015), Xây dựng lối sống văn hoá của công nhân Việt Nam - lý luận và thực tiễn, Nxb Lao động Hà Nội, tr.61-62.
8. Tổng cục Thống kê (2017), Niên giám thống kê 2016, Nxb Thống kê, Hà Nội.
9. <https://nhandan.com.vn/kinhte/item/38850102-phat-trien-ben-vung-kinh-te-trang-trai.html>
10. <https://laodong.vn/giao-duc/ca-nuoc-co-1600-giao-su-nhung-chi-co-hon-200-nguoi-con-dang-nghien-cuu-606745.lido>
11. <https://vnexpress.net/giao-duc/422-nguoi-duoc-cong-nhan-giao-su-pho-giao-su-4021583.html>